

Số: 1342 /QĐ-TCHQ Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hẹp kho ngoại quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 84/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan;

Xét hồ sơ đề nghị thu hẹp kho ngoại quan của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Anh Phong, báo cáo kết quả kiểm tra thực tế kho ngoại quan đề nghị thu hẹp kèm công văn số 745/HQĐNa-GSQL ngày 24/4/2019 của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai và Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hẹp kho ngoại quan của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Anh Phong tại địa chỉ: Số 5 đường Trương Văn Hải, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Thu hẹp 2.530 m² kho ngoại quan. Sau khi thu hẹp, kho ngoại quan có diện tích kho: 8.750 m², văn phòng làm việc hải quan: 66 m², kho chứa tang vật vi phạm: 30 m² và các công trình phụ trợ.

(Chi tiết theo sơ đồ kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 1188/QĐ-TCHQ ngày 11/4/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 3. Các ông (bà) Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ vận tải Anh Phong, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin & Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, GSQL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

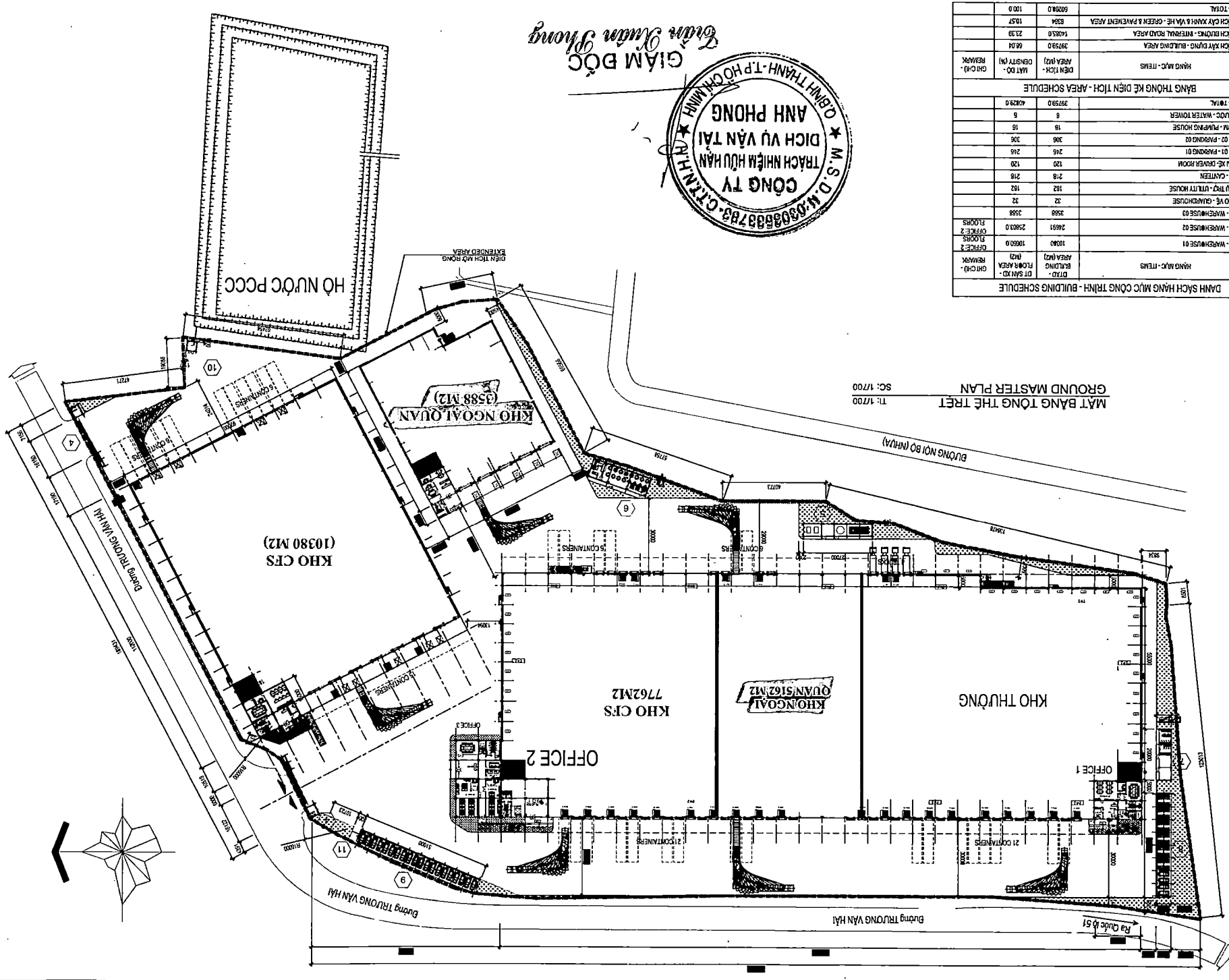
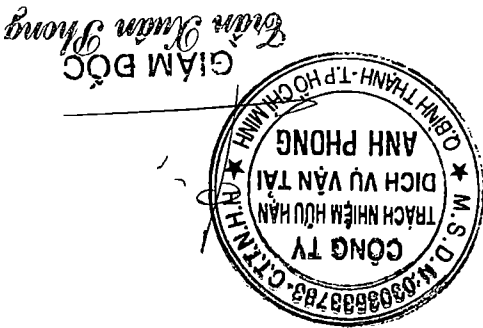


Mười Xuân Thành

| STT | HÀNG MỤC - ITEMS | DIỆN TÍCH - AREA (M ²) | LƯỢNG - QUANTITY (M) | REMARK |
|-----|---|------------------------------------|----------------------|-----------------|
| Nh1 | HÀNG MỤC - ITEMS | DIỆN TÍCH - AREA (M ²) | LƯỢNG - QUANTITY (M) | REMARK |
| 1 | KHO 01 - WAREHOUSE 01 | 10240 | 10600 | OFFICE 2 FLOORS |
| 2 | KHO 02 - WAREHOUSE 02 | 25691 | 25900 | OFFICE 2 FLOORS |
| 3 | KHO 03 - WAREHOUSE 03 | 3588 | 3588 | OFFICE 2 FLOORS |
| 4 | NHÀ BẢO VỆ - GUARDHOUSE | 22 | 22 | |
| 5 | NHÀ PHÙ THỢ - UTILTY HOUSE | 182 | 182 | |
| 6 | NGÀY-AN - CANTEN | 218 | 218 | |
| 7 | NGHĨA TƯ - DRIVER ROOM | 120 | 120 | |
| 8 | NHÀ XE 01 - PARKING 01 | 246 | 246 | |
| 9 | NHÀ XE 02 - PARKING 02 | 308 | 308 | |
| 10 | NHÀ BOM - PUMPING HOUSE | 18 | 18 | |
| 11 | TRẠP NƯỚC - WATER TOWER | 8 | 8 | |
| | THONG - TUNEL | | 4029.0 | |
| | BẢNG TỔNG KẾ DIỆN TÍCH - AREA SCHEDULE | | | |
| | HÀNG MỤC - ITEMS | DIỆN TÍCH - AREA (M ²) | LƯỢNG - QUANTITY (M) | REMARK |
| | 1 KHO 01 - WAREHOUSE 01 | 10240 | 10600 | OFFICE 2 FLOORS |
| | 2 KHO 02 - WAREHOUSE 02 | 25691 | 25900 | OFFICE 2 FLOORS |
| | 3 KHO 03 - WAREHOUSE 03 | 3588 | 3588 | OFFICE 2 FLOORS |
| | 4 NHÀ BẢO VỆ - GUARDHOUSE | 22 | 22 | |
| | 5 NHÀ PHÙ THỢ - UTILTY HOUSE | 182 | 182 | |
| | 6 NGÀY-AN - CANTEN | 218 | 218 | |
| | 7 NGHĨA TƯ - DRIVER ROOM | 120 | 120 | |
| | 8 NHÀ XE 01 - PARKING 01 | 246 | 246 | |
| | 9 NHÀ XE 02 - PARKING 02 | 308 | 308 | |
| | 10 NHÀ BOM - PUMPING HOUSE | 18 | 18 | |
| | 11 TRẠP NƯỚC - WATER TOWER | 8 | 8 | |
| | TỔNG - TOTAL | 69208.0 | 100.0 | |

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRÉT
GROUND MASTER PLAN

TL: 1/700
SC: 1/700



CHUYÊN TƯ VẤN
CONSULTANT
INTERNATIONAL CONSULTING
CONSTRUCTION COMPANY

67-7-BIS, AVENUE 68, 10-11-01
APPROVAL OF THE PROJECT MANAGER

APPROVAL OF THE OWNER

Scale: 1:1000

DATE: 24-05-2019

PROJECT: KHO NGOẠI QUAN SỐ 1